

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST
Ngày: 11/01/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh;

2. Ông Nguyễn Trọng Tình.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T2, địa chỉ: H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Năng H, sinh năm 1998, địa chỉ: Số A, lô B, đường số C, phường T, quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH B; địa chỉ: thửa đất số 366, tờ bản đồ số 69, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T1, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương. (Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2023). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2023, bản tự khai, quá trình hòa giải, nguyên đơn Công ty TNHH T2 do ông Vũ Năng H- làm đại diện, trình bày:

Thời điểm cuối năm 2020 đến đầu năm 2022, Công ty TNHH T2 (Gọi tắt là Công ty H3) và Công ty TNHH B (Gọi tắt là Công ty B) đã thỏa thuận mua bán hàng hóa để cung cấp các sản phẩm dầu nhớt theo yêu cầu Công ty TNHH B. Thực hiện theo đúng thỏa thuận, Công ty TNHH T2 đã tiến hành giao hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty B. Tổng giá trị hàng hóa mà Công ty H3 đã giao cho Công ty B là 348.683.500 đồng.

Tính đến ngày 07/6/2022, Công ty B đã thanh toán cho Công ty TNHH T2 số tiền 54.665.000 đồng. Ngày 30/6/2022, Công ty TNHH B và Công ty TNHH T2

ký bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty B xác nhận còn nợ Công ty TNHH T2 số tiền 294.018.500 đồng.

Do Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ tiền hàng, không thanh toán toàn bộ giá trị hóa đơn cho Công ty H3 đã xuất cho Công ty B. Tính đến ngày nộp đơn khởi kiện, Công ty B chỉ mới thanh toán thêm cho Công ty H3 số tiền 62.301.500 đồng. Theo đó số tiền nợ gốc Công ty B còn nợ Công ty H3 là 231.717.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã vi phạm thời hạn thanh toán, do đó, Công ty B có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả phát sinh theo lãi suất 10% trên năm kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ. Theo đó số tiền lãi chậm trả phát sinh là 51.855.384 đồng. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm trả là 283.572.384 đồng.

Thời gian vừa qua, sau khi kiện, phía Công ty B đã có thanh toán dần hàng tháng cho Công ty TNHH T2. Qua đối chiếu công nợ đến ngày 11/01/2024, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được một phần, số tiền còn nợ đến hôm nay là 181.717.000 đồng. So với đơn khởi kiện, nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất là 51.855.384 đồng (năm mươi một triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng), rút một phần yêu cầu đối với số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 181.717.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

Ý kiến của bị đơn Công ty TNHH B - ông Nguyễn Văn H1, trình bày:

Công ty B thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và xác nhận có giao dịch mua bán hàng hóa và bản đối chiếu công nợ với Công ty H3 nêu trên là đúng nhưng bị đơn không đồng ý toàn bộ lời trình bày về việc chậm thanh toán của nguyên đơn. Thời gian vừa qua, Công ty B làm ăn rất khó khăn nhưng cũng đã cố gắng thanh toán dần hàng tháng mỗi tháng 10.000.000 đồng cho Công ty TNHH T2, như vậy, Công ty B đã có thiện chí đối với Công ty T2 nhưng nguyên đơn nói bị đơn cố tình kéo dài là không đúng. Trong 05 tháng gần đây, bị đơn đã cố gắng thanh toán cho nguyên đơn số tiền là nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), số tiền gốc còn lại tính đến ngày 11/01/2024 là 181.717.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng), bị đơn công nhận số nợ nhưng xin nguyên đơn cho thành toán dần hàng tháng.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Kiểm sát viên không kiến nghị, khắc phục gì thêm. Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ thỏa thuận mua bán hàng hóa thông qua hình thức “Đặt hàng” giữa nguyên đơn là Công ty TNHH T2 (Gọi tắt là Công ty H3) và bị

đơn Công ty TNHH B (Gọi tắt là Công ty B) theo Điều 24, 25 Luật Thương mại được hai bên thừa nhận và đã thực hiện nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa.

Hai bên không có thoả thuận phương thức giải quyết tranh chấp và đối tượng tranh chấp trong vụ án là nghĩa vụ thanh toán của bị đơn nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên là nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Điều 35, Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện: Công ty TNHH T2 (Gọi tắt là Công ty H3) khởi kiện Công ty TNHH B (Gọi tắt là Công ty B) đòi lại số tiền hàng còn nợ gốc là 231.717.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh là 51.855.384 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi chậm trả là 283.572.384 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là 51.855.384 đồng (Năm mươi một triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng) và rút một phần yêu cầu đối với số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 181.717.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng). Bị đơn không phản đối nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị đơn Công ty B hoàn toàn thống nhất còn nợ nguyên đơn Công ty H3 số tiền 181.717.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng) và đồng ý thanh toán dần cho nguyên đơn, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn thanh toán dần mà phải yêu cầu thanh toán ngay một lần. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 181.717.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng) cho nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của bị đơn xin thanh toán dần hàng tháng cho nguyên đơn là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, 37, Điều 39, Điều 95, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 24, 25, 50, 55, Điều 306, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T2 về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH B thanh toán số tiền lãi là 51.855.384 đồng (Năm mươi một triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng) và số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T2 đối với Công ty TNHH B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Công ty TNHH B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T2 số tiền nợ gốc là 181.717.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu, bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH B phải chịu số tiền 9.085.850 đồng (Chín triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH T2 số tiền 7.089.000 đồng (Bảy triệu, không trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010536 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng

